

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/DS-PT

Ngày: 10-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán;
Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Anh Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: Nhà số 417, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1971; Cả hai cùng địa chỉ: Nhà số 70, ấp B, xã Th, thị xã K, tỉnh Long An (Ông Út có mặt, bà Ngoan có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lý Thị Anh Th trình bày:

Vào ngày (25/4/2019) âm lịch (AL) ông U, bà Ng có vay bà số tiền là 110.000.000 đồng, để đáo nợ Ngân hàng nên không thỏa thuận lãi suất, ông U, bà Ng có làm biên nhận nợ và hẹn đến ngày 06/5/2019 (AL) trả hoàn tất gốc và lãi, biên nhận nợ đề ngày 01/5/2019, do ông U viết. Tuy nhiên, đến hẹn ông U, bà Ng không

thực hiện lời hứa mà chỉ trả được 30.000.000 đồng tiền gốc và bà có làm biên nhận cho ông U, bà Ngn đề ngày 30 tây (hiện đã lâu bà không nhớ tháng nào). Sau khi trả được 30.000.000 đồng thì ông U, bà Ng không trả tiếp mà làm tờ cam kết vào ngày 16/6/2019 thừa nhận còn nợ số tiền 80.000.000 đồng và hẹn 90 ngày trả hết nợ. Từ ngày 16/6/2019 cho đến nay ông U, bà Ng không trả cho bà bất kỳ số tiền nào nữa. Do ông U, bà Ng không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U, bà Ng trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%. Ngoài ra, bà Th không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày: Ngày 08/4/2019 AL, vợ chồng ông bà có vay mượn bà Th số tiền là 120.000.000 đồng, để đáo nợ ngân hàng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, có trả lãi và gốc nhiều lần đến ngày 16/9/2019 còn nợ số tiền 80.000.000 đồng. Do không có điều kiện nên vợ chồng có làm tờ cam kết còn nợ số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 16/6/2019 và xin trả góp hàng tháng trong thời hạn 90 ngày. Sau khi làm giấy cam kết, ông có trả bà Th 10.000.000 đồng tại núi đất, bà Th có ký nhận nhưng ông U làm thất lạc, đến ngày 30 không ghi tháng năm bà Ng có trả thêm 30.000.000 đồng tại nhà ông U, bà Ng và bà Th có ghi giấy nhận tiền. Như vậy, tính từ ngày 16/6/2019 cho đến nay ông U và bà Ng đã trả cho bà Th được 40.000.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ bà Th 40.000.000 đồng nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Th mà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Anh Th đối với ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng.

Xử buộc ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng phải trả cho bà Lý Thị Anh Th số tiền gốc, lãi tổng cộng là 100.584.000 đồng (một trăm triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 5.029.200 đồng (năm triệu không trăm hai mươi chín ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lý Thị Anh Th 2.320.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009685 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 29/4/2022 ông Trần Văn U và Nguyễn Thị Kim Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn U thừa nhận đến ngày 16/6/2019, vợ chồng còn nợ bà Th số tiền 80.000.000 đồng và làm cam kết (do ông viết và ký tên) hẹn thời hạn 90 ngày trả hết nợ. Sau khi làm cam kết, vợ chồng đã trả được 40.000.000 đồng: Lần 1 trả 10.000.000 đồng có làm biên nhận nhưng đã thất lạc; lần hai trả 30.000.000 đồng bà Th có viết biên nhận đề ngày 30 tây. Nay vợ chồng ông chỉ đồng ý trả bà Th 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng tính từ ngày 18/4/2022.

- Nguyên đơn bà Lý Thị Anh Th trình bày: Ngày (25/4/2019AL) ông U, bà Ng có vay bà số tiền là 110.000.000 đồng hẹn đến ngày 06/5/2019 (AL) trả hoàn tất gốc và lãi, biên nhận nợ đề ngày 01/5/2019, do ông U viết. Tuy nhiên, đến hẹn ông U, bà Ng không thực hiện lời hứa mà chỉ trả được 30.000.000 đồng tiền gốc và bà có làm biên nhận cho ông U, bà Ng đề ngày 30 tây. Ngày 16/6/2019 ông U viết cam kết hẹn thời hạn 90 ngày trả hết nợ nhưng cũng không thực hiện đúng thỏa thuận. Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông U, bà Ng đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Đối với kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông, bà được trả nợ gốc là 40.000.000 đồng cho bà Lý Thị Anh Th và lãi theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 18/4/2022 đến nay, thấy rằng: Ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng thừa nhận có vay tiền và làm tờ cam kết chốt nợ, còn thiếu tiền vay của bà Lý Thị Anh Th là 80.000.000 đồng, biên bản được hai bên lập vào ngày 16/6/2019. Ông U và bà Ng cho rằng sau khi chốt nợ thì vào ngày 16/7/2019 ông U có trả cho bà Th số tiền là 10.000.000 đồng tại núi đất và bà Th có ký nhận nhưng ông đã làm thất lạc tờ giấy này; ngày 30/7/2019 bà Ng trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng bà Th có ghi giấy nhận tiền. Tuy nhiên, bà Th không thừa nhận lời trình bày này của ông U và bà Ng và cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là do ông U, bà Ng trả cho bà Th từ số tiền vay là 110.000.000 đồng và chốt nợ, làm giấy cam kết ngày 16/7/2019 chốt nợ vay còn lại là số tiền 80.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông Phạm Minh Phong (anh Hai). Ngoài ra, ông U và bà Ng không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh việc sau khi chốt nợ ngày 16/6/2019 sau đó đã trả tiếp số nợ gốc là 40.000.000 đồng cho bà Th vào ngày 16/7/2019 và giấy nhận ngày 30 cũng không ghi ngày tháng năm cụ thể. Do đó, yêu cầu của ông U và bà Ng là không có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông U, bà Ng đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông U, bà Ng:

[3.1] Xét, bà Th trình bày ngày (25/4/2019AL) ông U, bà Ng có ký biên nhận (biên nhận đề ngày 01/5/2019) vay bà số tiền là 110.000.000 đồng, hạn đến ngày 06/5/2019 (AL) trả gốc và lãi, nhưng ông U, bà Ng không thực hiện đúng lời hứa mà chỉ trả được 30.000.000 đồng (biên nhận bà đề ngày 30 tây). Đến ngày, 16/6/2019 ông U, bà Ng làm tờ cam kết còn nợ số tiền 80.000.000 đồng và hạn 90 ngày trả hết nợ. Ngược lại, bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Ng thừa nhận trước đây có vay bà Th số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, có trả lãi và gốc nhiều lần đến ngày 16/6/2019 còn nợ số tiền 80.000.000 đồng. Ông U viết cam kết hạn thời hạn 90 ngày trả hoàn tất nhưng chỉ trả được 40.000.000 đồng, trả lần đầu 10.000.000 đồng có làm biên nhận nhưng thất lạc, trả lần hai 30.000.000 đồng bà Th có làm biên nhận đề ngày 30 tây. Hiện tại vợ chồng ông chỉ còn nợ bà Th số tiền 40.000.000 đồng.

Xét, bà Th cho rằng biên nhận số tiền 30.000.000 đề ngày 30 tây do bà ký là để trả cho số tiền 110.000.000 đồng, sau đó ông U mới viết cam kết chốt số nợ còn lại là 80.000.000 đồng. Trong khi đó, ông U và bà Ng cho rằng sau khi ông U viết cam kết hạn trả nợ ngày 16/6/2019, vợ chồng ông bà đã trả được 40.000.000 đồng, trả lần đầu 10.000.000 đồng có làm biên nhận nhưng thất lạc, trả lần hai 30.000.000 đồng bà Th có làm biên nhận đề ngày 30 tây nhưng bà Th cho rằng số tiền 30.000.000 đồng này để trả cho số tiền 110.000.000 đồng sau đó ông U mới viết cam kết chốt số nợ còn lại là 80.000.000 đồng. Ông U, bà Ng cho rằng sau khi ông U viết cam kết ngày 16/6/2019, vợ chồng ông bà đã trả được 40.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông U. Như vậy, có căn cứ xác định hiện tại ông U, bà Ng vẫn còn nợ bà Th số tiền 80.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông U, bà Ng phải trả cho bà Th 80.000.000 đồng cùng tiền lãi là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U, bà Ng. Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông U, bà Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Anh Th đối với ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng. Xử buộc ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng phải trả cho bà Lý Thị Anh Th số tiền gốc, lãi tổng cộng là 100.584.000 đồng (một trăm triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 5.029.200 đồng (năm triệu không trăm hai mươi chín ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lý Thị Anh Th 2.320.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009685 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị Kim Ng mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 600.000 đồng, nhưng được khấu trừ 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000675 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Trọng Nhân